

Bản án số: 13/2025/HNGĐ-ST
Ngày 27 – 02 – 2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Ngọc Dung.

Ông Quách Văn Vệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ân Tình là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển.

Ngày 27 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 266/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2024 về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Thanh N, sinh năm 1990. Địa chỉ cư trú: Ấp K, xã H, huyện N1, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Lê Thị Ngọc Y, sinh năm 2001. Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã T, huyện N2, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện của anh Nguyễn Thanh N, thể hiện:*

Anh N và chị Lê Thị Ngọc Y chung sống với nhau vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N2, tỉnh Cà Mau. Khi về chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, chị Y không chung thủy. Từ nguyên nhân trên, anh N xác định không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu ly hôn với chị Y.

Về con chung: Có 01 người con tên Nguyễn Thanh P, sinh ngày 30/8/2019 do anh N đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh N yêu cầu được nuôi Thanh P, việc cấp dưỡng không đặt ra.

Về tài sản, nợ và các vấn đề khác: Anh N xác định không có.

* *Đối với chị Lê Thị Ngọc Y*: Mặc dù đã được tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng chị Y không có ý kiến gì về các nội dung anh N khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Nguyễn Thanh N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Lê Thị Ngọc Y đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là phù hợp.

[2] Anh N và chị Lê Thị Ngọc Y chung sống với nhau vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N2, tỉnh Cà Mau; theo anh N, khi về chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cuộc sống không còn hạnh phúc nên anh N xác định không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu ly hôn với chị Y. Chị Y không có ý kiến gì về thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn và yêu cầu xin ly hôn của anh N.

Xét yêu cầu của anh N, thấy rằng: Hôn nhân của anh N và chị Y có đăng ký kết hôn hợp pháp nên được pháp luật tôn trọng và bảo vệ; tuy nhiên, anh N yêu cầu xin ly hôn nhưng qua các lần triệu tập hòa giải, xét xử chị Y đều vắng mặt, thể hiện việc chị Y không có thiện chí hòa giải, hàn gắn; điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân của các đương sự đã thực sự trầm trọng và không thể hàn gắn nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho anh N ly hôn với chị Y là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu của anh N về việc yêu cầu nuôi dưỡng Nguyễn Thanh Phát thấy rằng: Anh N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng Thanh Phát sau khi ly hôn nhưng chị Y không có ý kiến gì về yêu cầu này của anh N; do vậy, để ổn định trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nên giao Thanh Phát cho anh N nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh N không yêu cầu nên không đặt ra xem xét; trường hợp phát sinh tranh chấp về nội dung này sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về tài sản chung, nợ và các vấn đề khác: Anh N xác định không, chị Y không có ý kiến gì về các nội dung này nên không đặt ra xem xét; trường hợp có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh N phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh N.
 - Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Thanh N được ly hôn với chị Lê Thị Ngọc Y.
 - Về con chung: Giao Nguyễn Thanh P, sinh ngày 30/8/2019 cho anh N nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng không đặt ra. Chị Y có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.
 2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh N phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng); đối trừ số tiền nộp tạm ứng 300.000 đồng theo Biên lai số 0015263 ngày 16 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiền thì anh N đã nộp xong án phí.
 3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.
- Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiền;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiến;
- UBND xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiến;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Văn Càn